TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y -TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 01/2024/KDTM-ST
Ngày 22/10/2024
V/v: Tranh chấp HĐ cho thuê tài chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y-TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hà Giang và bà Lê Thu Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 22/10/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y; xét xử công khai sơ thẩm vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2024/TLST-KDTM ngày 15/01/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-KDTM ngày 09/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐXXST-KDTM ngày 30/9/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T (CT); địa chỉ tầng 28, số 37, phường 1, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông C là Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Quốc Đ sinh năm 1993; là chuyên viên CT; có mặt.

Bị đơn: Công ty M (M); địa chỉ xóm 8, xã M, huyện Y, Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật:

- Ông Trần Thanh C1 là Chủ tịch Hội đồng quản trị; vắng mặt.

- Ông Phạm Văn C2 là Giám đốc; có mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn: Ông Phạm Văn C2 sinh năm 1990; địa chỉ xóm 8, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện của CT; bản tự khai, biên bản làm việc và tại phiên tòa ông Đ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

- Về hợp đồng cho thuê tài chính: Tại Hợp đông cho thuê tài chính số No.:B210823712 ngày 24/11/2021 giữa bên cho thuê tài chính là CT - chi nhánh Hà Nội do bà Nguyễn Thị Huyền đại diện và bên thuê tài chính là M do ông Phạm Văn C2 đại diện; nội dung thoả thuận là do M có nhu cầu sử dụng máy

móc thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh của M là "Dây chuyền nghiền sàng đá công suất thiết kế 100 tấn/giờ" và đề nghị CT tài trợ tài chính; CT - chi nhánh Hà Nội và M đã ký hợp đồng cho thuê tài chính với tổng giá trị tài sản thuê là 3.267.385.000 đồng; M đã trả trước giá trị tiền thuê cho CT là 1.241.606.300 đồng; giá trị thuê còn lại là 2.025.778.700 đồng, thời hạn thuê là 36 tháng; lãi suất thuê là 11,25%/năm (lãi suất tại thời điểm thuê tài chính là lãi suất thả nổi) được tính trên dư nợ trả dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà CT đã tài trợ. M đã trả tiếp được số tiền thuê là 1.012.889.358 đồng (gồm tiền thuê là 920.808.504 đồng, tiền thuế VAT là 92.080.854 đồng), tổng tiền lãi là 281.313.434 đồng (gồm tiền lãi là 257.970.256 đồng, tiền lãi điều chỉnh là 19.856.850 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.486.328 đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng thuê M thường xuyên thanh toán tiền thuê không đúng thời hạn cho CT, nên đã vi phạm quy định của Hợp đồng thuê, nên CT yêu cầu M thanh toán toàn bộ dư nợ gốc còn lại là 1.012.889.342 đồng (trong đó tiền thuê là 920.808.496 đồng; tiền thuế VAT là 92.080.846 đồng) và tiền lãi trên nợ gốc là 12,73%/năm tính từ ngày 26/7/2023 cho đến ngày 22/10/2024 là 270.379.860 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 103.106.975 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm thanh toán là 167.272.885 đồng); giá trị mua lại tài sản thuê là 65.347.700 đồng; tổng cộng là 1.348.616.902 đồng; M tiếp tục chịu tiền lãi suất trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản tiền thuê này.

- Về tài sản thế chấp và tài sản thuê: Tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu FORD, số loại RANGER, màu đỏ cam, số khung RL2UMFF60MRR09099, số máy YN2QPMR09099, biển số đăng ký 35C-127.04, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Bình cấp ghi tên chủ sử dụng là CTY TTHH MTV TM VÀ DV C2 PHÁT và tài sản thuê là "Dây chuyền nghiền sàng đá công suất thiết kế 100 tân/giờ". CT yêu cầu M phải giao hai tài sản trên cho CT để xử lý thu hồi nợ.

- Về yêu cầu đối với người bảo lãnh là ông C2: Thư bảo lãnh cá nhân lập ngày 24/11/2021 nội dung ông C2 đồng ý bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán của M cho CT với số tiền bảo lãnh bằng các khoản tiền M phải trả cho CT theo hợp đồng thuê. Nếu M trả không đủ tiền thuê và tiền lãi cho CT hoặc M không giao tài sản thế chấp và tài sản thuê hoặc số tiền thanh lý tài sản thế chấp và tài sản thuê không đủ trả hết các khoản nợ, thì ông C2 có nghĩa vụ trả tiếp số tiền còn thiếu của M cho CT.

- Yêu cầu M hoàn trả lại cho CT toàn bộ số tiền chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tại chỗ với tổng số tiền mà CT đã nộp là 3.300.000 đồng.

Biên bản làm việc và tại phiên tòa ông C2 đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày:

- Về hợp đồng cho thuê tài chính: Tại Hợp đông cho thuê tài chính số No.:B210823712 ngày 24/11/2021 giữa bên cho thuê tài chính là CT - chi nhánh Hà Nội do bà Nguyễn Thị Huyền đại diện và bên thuê tài chính là M do ông Phạm Văn C2 đại diện; nội dung thoả thuận là do M có nhu cầu sử dụng máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh của M là "Dây chuyền nghiền sàng đá công suất thiết kế 100 tấn/giờ" và đề nghị CT tài trợ tài chính; CT - chi

nhánh Hà Nội và M đã ký hợp đồng cho thuê tài chính với tổng giá trị tài sản thuê là 3.267.385.000 đồng; M đã trả trước tiền thuê là 1.241.606.300 đồng; giá trị tiền thuê còn lại là 2.025.778.700 đồng, thời hạn thuê là 36 tháng; lãi suất thuê là 11,25%/năm, được tính trên dư nợ trả dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà CT đã tài trợ. M đã trả tiếp được số tiền thuê là 1.012.889.358 đồng (gồm tiền thuê là 920.808.504 đồng, tiền thuế VAT là 92.080.854 đồng), tiền lãi là 281.313.434 đồng. Do làm ăn khó khăn nên M không trả tiếp tiền thuê và tiền lãi cho CT; số tiền thuê và tiền thuế VAT còn nợ là 1.012.889.342 đồng và tổng tiền lãi là 270.379.860 đồng. M đồng ý trả nợ cho CT toàn bộ tiền như yêu cầu khởi kiện của CT.

- Về tài sản thế chấp và tài sản thuê: Tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu FORD, số loại RANGER, số máy YN2QPMR09099, số khung RL2UMFF60MRR09099, biển số đăng ký 35C-127.04, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Bình cấp ghi tên chủ sử dụng là CTY TTHH MTV TM VÀ DV C2 PHÁT và tài sản thuê là "Dây chuyền nghiền sàng đá công suất thiết kế 100 tân/giờ". Nếu Công ty M không trả được số nợ trên cho CT, M đồng ý giao toàn bộ tài sản thế chấp và tài sản thuê trên cho CT để CT sử lý thu hồi hợ cho CT.

- M đồng ý chịu và hoàn lại cho CT tiền chi phí tố tụng về việc xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 3.300.000 đồng.

Biên bản làm việc và tại phiên toà người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông C2 trình bày:

Thư bảo lãnh cá nhân lập ngày 24/11/2021 nội dung ông C2 đồng ý bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán của M cho CT với số tiền bảo lãnh bằng các khoản tiền M phải trả cho CT theo hợp đồng thuê, nên ông C2 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của CT, nếu Công ty Manh Phát không trả đủ số nợ trên cho CT hoặc tài sản thế chấp và tài sản thuê không đủ để trả nợ cho CT thì ông C2 đồng ý với nội dung bảo lãnh theo thư bảo lãnh của ông C2 là ông C2 trả đủ số tiền mà M còn phải trả cho CT.

Đối với người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông C1: Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần đều hợp lệ, nhưng ông C1 đều không đến Toà án làm việc và không nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; nên không có lời khai của ông C1 trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đối với vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật; người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông C1 chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Căn cứ các Điều 335, 342, 351 của Bộ luật Dân sự; Điều 306 của Luật Thương mại; Nghị định số 09/VBHN-NHNN ngày 22/02/2019 của Ngân hàng Nhà nước; các Điều 90, 91, 95, 112, 113 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của CT; quyết định:

- Buộc M phải trả cho CT gồm tiền dư nợ gốc 920.808.496 đồng, tiền thuế VAT là 92.080.846 đồng, tổng tiền lãi là 270.379.860 đồng (gồm lãi trong hạn là 103.106.975 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm thanh toán là 167.272.885 đồng), tiền giá trị mua lại tài sản thuê là 65.347.700 đồng; Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm M tiếp tục chịu lãi suất theo thoả thuận trong hợp đồng trên nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho CT. Nếu M vi phạm nghĩa vụ trả nợ trên, M có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp là xe ô tô và tài sản thuê là Dây chuyền nghiền sàng đá cho CT để xử lý thu hồi nợ. Trường hợp M không trả hết số nợ trên hoặc số tiền thanh lý tài sản thế chấp và tài sản thuê không đủ, buộc ông C2 phải trả tiếp số tiền còn lại của M cho CT.

- Buộc M phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật và chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] **Về thủ tục tố tụng**:

Về quan hệ pháp luật: CT khởi kiện tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính với M, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, việc khơi kiện của CT được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: M có trụ sở tại xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của người đại diện cho bị đơn: Tại phiên tòa người đại diện cho bị đơn là ông C1 vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C1.

[2] **Về nội dung tranh chấp**:

Về hợp đồng thuê tài chính và quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 24/11/2021 CT chi nhánh Hà Nội và M có ký Hợp đồng cho thuê tài chính số No.:B210823712, theo đó CT cho M thuê tài sản là "Dây chuyền nghiền sàng đá công suất thiết kế 100 tân/giờ". Để thực hiện hợp đồng, cùng ngày 24/11/2021 CT đã ký các hợp đồng mua bán trong nước số No.:B210823712-PC để mua "Dây chuyền nghiền sàng đá công suất thiết kế 100 tân/giờ" từ Công ty TNHH cơ khí Công Tuấn và cho M thuê lại chính tài sản này theo Hợp đồng cho thuê tài chính. Tổng giá trị tài sản thuê là 3.267.385.000 đồng, M đã trả trước giá trị thuê là 1.241.606.300 đồng; giá trị tiền thuê còn lại là 2.025.778.700 đồng; thời hạn thuê là 36 tháng; lãi suất thuê tại thời điểm thuê là 11,25%/360 ngày; hình thức trả nợ theo tháng (cả tiền gốc và tiền lãi). Cùng ngày 24/11/2021 giữa các

bên đã lập biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản thuê là "Dây chuyền nghiền sàng đá công suất thiết kế 100 tân/giờ" cho M.

Đại diện của các bên đương sự đều thừa nhận, trong quá trình thực hiện Hợp đồng cho thuê tài chính, M đã trả tiếp cho CT gồm tiền thuê (tiền gốc vay) là 920.808.504 đồng, tiền thuế VAT là 92.080.854 đồng, tổng tiền lãi là 281.313.434 đồng (trong đó tiền lãi là 257.970.256 đồng, tiền lãi điều chỉnh là 19.856.850 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.486.328 đồng).

Đại diện của các bên đương sự đều thừa nhận và xác định; từ 26/7/2023 M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với CT; theo đó số tiền còn nợ tính đến ngày 22/10/2024 gồm: Tổng tiền thuê tài chính (tiền vay) là 1.012.889.342 đồng (trong đó tiền thuê (tiền vay) là 920.808.496 đồng; tiền thuế VAT là 92.080.846 đồng); tổng tiền lãi là 270.379.860 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 103.106.975 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm thanh toán là 167.272.885 đồng); tiền giá trị mua lại tài sản thuê là 65.347.700 đồng.

Về tài sản thế chấp và tài sản thuê: Theo hợp đồng thế chấp tài sản số No.:B210823712-MA ngày 24/11/2021 M có thế chấp tài sản của mình là ô tô tải nhãn hiệu FORD số loại RANGER, số máy TN2QPMR09099, số khung RL2UMFF60MRR09099, màu sơn đỏ cam, biển số đăng ký 35C-127.04 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005971 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Bình cấp ngày 05/11/2021 ghi tên chủ xe là Công ty M cho CT.

Theo biên bản không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ được tài sản ngày 02/5/2024 của Toà án nhân dân huyện Y, thể hiện "Đã không xem xét, thẩm định tại chỗ được xe ô tô thế chấp nêu trên; lý do không xem xét, thẩm định được tài sản thế chấp trên theo ông C2 trình bày là xe ô tô đã hết kiểm định và đang để ở trong tỉnh Lâm Đồng.

Đối với tài sản thuê là "Dây chuyền nghiền sàng đá công suất thiết kế 100 tân/giờ"; theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Toà án nhân dân huyện Lạc Dương, thì Dây chuyền nghiền sàng đá hiện nay đang để tại Dự án Nhà máy thuỷ điện xã Đa Sar, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Bảo lãnh cá nhân: Thư bảo lãnh cá nhân đề ngày 24/11/2021 của bên bảo lãnh là ông Phạm Văn C2; nội dung ông C2 đồng ý bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bên thuê là M với bên cho thuê là CT; với số tiền bảo lãnh bằng các khoản tiền M phải trả cho CT theo hợp đồng thuê. Tại phiên toà CT và ông C2 thoả thuận trường hợp M không thanh toán đầy đủ khoản tiền nợ gốc và lãi hoặc tài sản thế chấp và tài sản thuê không đủ nghĩa vụ trả nợ, thì ông C2 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho CT toàn bộ số tiền mà M còn phải trả cho CT.

Từ phân tích trên, Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của CT:

- Buộc M phải trả cho CT gồm tiền thuê (tiền gốc vay) là 920.808.504 đồng, tiền thuế VAT là 92.080.854 đồng; tổng tiền lãi 270.379.860 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 103.106.975 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm thanh toán là 167.272.885 đồng); tiền giá trị mua lại tài sản thuê là 65.347.700 đồng; Tổng cộng là 1.348.616.902 đồng; M tiếp tục chịu tiền lãi trên nợ gốc theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đông cho thuê tài chính cho đến khi M trả xong số nợ gốc cho CT.

- M phải giao tài sản thế chấp là ô tô tải nhãn hiệu FORD số loại RANGER, số máy TN2QPMR09099, số khung RL2UMFF60MRR09099, màu sơn đỏ cam, biển số đăng ký 35C-127.04, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005971 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Bình cấp ngày 05/11/2021 ghi tên chủ xe là Công ty M và tài sản thuê là "Dây chuyền nghiền sàng đá công suất thiết kế 100 tân/giờ" cho CT để xử lý thu hồi nợ,

- Trường hợp M không thanh toán đầy đủ khoản tiền nợ gốc và lãi hoặc tài sản thế chấp và tài sản thuê không đủ nghĩa vụ trả nợ hoặc M không giao trả tài sản thuê và tài sản thế chấp thì ông C2 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho CT toàn bộ số tiền mà M còn phải trả cho CT.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- M phải trả cho CT tổng số tiền là 1.351.916.902 đồng, nên phải chịu 52.557.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- M phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng về xem xét, thẩm định tại chỗ theo phiếu chi của Toà án nhân dân huyện Y là 1.500.000 đồng và phiếu chi của Toà án nhân dân huyện Lạc Dương là 1.800.000 đồng; tổng cộng là 3.300.000 đồng.

- Hoàn lại cho CT tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 472, Điều 481, Điều 317, Điều 318, khoản 6 Điều 320, các khoản 5 và khoản 7 Điều 323, Điều 335, Điều 342 của Bộ luật Dân sự; Điều 306 của Luật Thương mại; Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 112, Điều 113 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T. Buộc Công ty M phải trả cho Công ty T gồm.

- Tiền thuê tài chính (tiền vay) là 920.808.496 đồng (chín trăm hai mươi triệu tám trăm linh tám nghìn bốn trăm chín mươi sáu đồng);

- Tiền thuế VAT là 92.080.846 đồng (chín mươi hai triệu không trăm tám mươi nghìn tám trăm bốn mươi sáu đồng);

- Tổng tiền lãi là 270.379.860 đồng (hai trăm bảy mươi triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi đồng;

- Tiền giá trị mua lại tài sản thuê là 65.347.700 đồng (sáu mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền thuê tài chính (tiền vay) chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính số No.:B210823712 ngày 24/11/2021 giữa Công ty T - chi nhánh Hà Nội với Công

ty M cho đến khi thanh toán xong số tiền thuê tài chính (tiền vay).

Nếu Công ty M vi phạm nghĩa vụ trả nợ trên, Công ty M có nghĩa vụ giao tài sản đã thế chấp là "Xe ô tô tải nhãn hiệu FORD, số loại RANGER, số máy TN2QPMR09099, số khung RL2UMFF60MRR09099, màu sơn đỏ cam, biển số đăng ký 35C-127.04 và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005971 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Bình cấp ngày 05/11/2021 ghi tên chủ xe là Công ty M" và tài sản thuê là "Dây chuyền nghiền sàng đá công suất thiết kế 100 tân/giờ" để Công ty T xử lý khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà Công ty M không thực hiện. Công ty T có quyền yêu cầu Công ty M giao tài sản đó cho mình để xử lý khi Công ty M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Trường hợp Công ty M không thực hiện nghĩa vụ giao tài sản đã thế chấp và tài sản thuê, thì Công ty T có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự ra quyết định và thi hành bản án phần tài sản thế chấp và tài sản thuê theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Công ty M không thực hiện việc thanh toán hết số nợ nêu trên cho Công ty T và/hoặc tài sản thế chấp và tài sản thuê không đủ nghĩa vụ trả nợ của Công ty M cho Công ty T và/hoặc Công ty M không giao trả tài sản thuê và tài sản thế chấp thì ông Phạm Văn C2 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty T toàn bộ số tiền Công ty M còn phải thanh toán cho Công ty T.

2.3 Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Buộc Công ty M phải chịu 52.557.000 đồng (năm mươi hai triệu năm trăm năm bảy nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty M chịu và trả cho Công ty T toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho Công ty T số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) theo phiếu thu ngày 10/4/2024 của Toà án nhân dân huyện Y.

- Hoàn lại cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.897.000 đồng, theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số 0001621 ngày 09/01/2024 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Nguyên đơn, bị đơn do ông C2 đại diện và người liên quan là ông C2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn do ông C1 đại diện có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định cua pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y

- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

Bùi Văn Lực